Pháp luật đặc thù về giáo dục ở các vùng DTTS, miền núi và thực trạng thi hành

– Phần -

1. **LÝ LUẬN CHUNG VỀ DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**
	1. **Khái niệm dân tộc thiểu số và miền núi**

Thiểu số là định nghĩa chỉ về một, một số đối tượng có tính đặc thù, riêng lẻ trong cộng đồng, đây là một trong những vấn đề phức tạp được đặt ra từ rất lâu trong đời sống xã hội. Khái niệm nhóm người thiểu số được dùng để chỉ các nhóm người có những sự khác biệt về một phương diện nào đó với cộng đồng người chung trong xã hội. Họ có thể khác biệt với nhóm người đa số về phương diện ngôn ngữ và văn hoá, khác biệt về nhận thức và tôn giáo, về hoàn cảnh kinh tế, điều kiện sống và thu nhập v.v ...và đi kèm theo đó là sự khác biệt về phương thức ứng xử của cộng đồng đối với chính họ.

Nhà xã hội học Mỹ Louis Wirth năm 1945 đã đưa ra một định nghĩa khá thông dụng về nhóm người thiểu số như sau: “Có thể gọi là thiểu số mọi nhóm người, do một số nét đặc thù về ngoại hình hay văn hoá, bị đối xử khác biệt và không bằng những thành viên khác của xã hội mà họ sinh sống và do đó tự coi mình là đối tượng của một sự phân biệt tập thể”

"Dân tộc thiểu số" là khái niệm thuộc phạm trù "người thiểu số” – một trong những nhóm người dễ bị tổn thương, được sử dụng rộng rãi trong các văn kiện pháp lý quốc tế. Năm 1930, Tòa án Công lý quốc tế thường trực (Permanent Court of International Justice - PCIJ, cơ quan tài phán của Hội Quốc Liên), đưa ra ý kiến tư vấn về vụ tranh cãi giữa hai nước Hy Lạp và Bungari liên quan đến vị thế của các cộng đồng nhập cư thiểu số ở hai nước này. PCIJ xác định một cộng đồng thiểu số là “*một nhóm người sống trên một quốc gia hoặc địa phương nhất định, có những đặc điểm đồng nhất về chủng tộc, tín ngưỡng, ngôn ngữ và truyền thống, có sự giúp đỡ lẫn nhau và có quan điểm thống nhất trong việc bảo lưu những yếu tố truyền thống, duy trì tôn giáo, tín ngưỡng và hướng dẫn, giáo dục trẻ em trong cộng đồng theo tinh thần và truyền thống của chủng tộc họ”*

Nghị định 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về công tác dân tộc đưa ra khái niệm tại K2- Đ4 "DTTS là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ nước CHXHCNVN"; K3- Điều 4: *"Dân tộc đa số là dân tộc có số dân chiếm trên 50% tổng số dân của cả nước theo điều tra dân số quốc gia".*

* 1. **Đặc điểm tình hình dân tộc thiểu số và miền núi ở nước ta**

Việt Nam là quốc gia có 53 dân tộc thiểu số, dân số giữa các dân tộc không đều nhau, nhiều nhất phải kể đến dân tộc Tày, Thái, Mường, ít nhất là dân tộc Rơ măm, Brâu, Ơ Đu. Trong các dân tộc thiểu số, quy mô dân số cũng có sự chênh lệch đáng kể. Tuy số dân có sự chênh lệch đáng kể, nhưng các dân tộc luôn luôn coi nhau như anh em một nhà, quý trọng, thương yêu đùm bọc và gắn bó với nhau, chung sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Không có dân tộc nào có một vùng lãnh thổ riêng mà cư trú xen kẽ nhau, tạo thành một cộng đồng đa bản sắc, tạo điều kiện để tăng cường hiểu biết nhau, đoàn kết, xích lại gần nhau, xây dựng cộng đồng các dân tộc ngày càng gắn bó vững chắc, cùng nhau tiến bộ và phát triển, sự cách biệt về trình độ phát triển từng bước thu hẹp lại.

Các dân tộc thiểu số chủ yếu cư trú trên các vùng núi, biên giới, nơi có vị trí quan trọng, khu vực có tiềm năng phát triển kinh tế to lớn. Ngoài ra, đường biên giới trên đất liền của nước ta dài 4.000km thì 3.000 km nằm ở khu vực miền núi, có nhiều cửa ngõ thông thương với các nước láng giềng, là điều kiện thuận lợi để mở rộng quan hệ kinh tế, văn hoá giữa nước ta với các nước láng giềng, qua đó tới các nước trong khu vực và trên thế giới. Song đây cũng là địa bàn hiểm trở, khó khăn cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số cư trú tại địa bàn; khó khăn cho việc kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn buôn lậu, ma tuý xâm nhập….Miền núi, biên giới là "phên dậu” vững chắc của Tổ quốc, là địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh trong việc bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, chông âm mưu xâm nhập, gây bạo loạn, lật đổ, bảo vệ sự nghiệp hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở vùng biên giới có các dân tộc thiểu số vừa cư trú ở Việt Nam, vừa cư trú ở nước láng giềng, giữ quan hệ dòng họ, quan hệ thân tộc với nhau. Những năm gần đây, các thế lực thù địch đã và đang lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền, kích động, gây chia rẽ, mất đoàn kết giữa các dân tộc. Bởi vậy, thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta không chỉ vì lợi ích các dân tộc thiểu số mà còn vì lợi ích cả nước, không chỉ là đối nội mà còn là đối ngoại, không chỉ về kinh tế - xã hội, mà cả về chính trị, quốc phòng, an ninh quốc gia.

Các dân tộc có trình độ phát triển kinh tế - xã hội không giống nhau. Ở các quốc gia có nhiều dân tộc, sự phát triển không đồng đều giữa các dân tộc là tình trạng khá phổ biến, do nhiều nguyên nhân: lịch sử, xã hội, điều kiện tự nhiên nơi sinh sống quy định.

Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, mỗi dân tộc anh em có những giá trị và sắc thái văn hóa riêng, mỗi dân tộc anh em có những giá trị và sắc thái văn hóa riêng. Vì thế, ở nước ta có nhiều dòng ngôn ngữ, trong mỗi dòng lại có những nhóm khác nhau. Văn hóa, sản xuất, kiến trúc, xây dựng ... giữa các dân tộc cũng có nhiều nét khác nhau. Văn hóa ăn, mặc của các dân tộc hết sức phong phú. Phong tục, tập quán, lối sống của mỗi dân tộc một khác nhau. Tổ chức xã hội của dân tộc Kinh có xóm, làng, xã; dân tộc Thái có bản, mường; dân tộc Êđê có buôn, xã; dân tộc Khmer có phum, xóc... Già làng, già bản ở nhiều dân tộc thiểu số có uy tín cao. Đặc biệt, các dân tộc thiểu số ở nước ta có kho tàng văn hóa dân gian, bao gồm các làn điệu dân ca, các điệu múa, các bản trường ca, v.v., vô cùng phong phú và có giá trị nghệ thuật lớn. Chính bản sắc văn hóa mỗi dân tộc nước ta tạo nên nền văn hoá Việt Nam rực rỡ. Sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hoá Việt Nam trong thời kỳ mới phải hướng vào việc củng cố và tăng cường sự thống nhất, nhân lên sức mạnh tinh thần chung của toàn dân tộc. Đồng thời phải khai thác và phát triển mọi sắc thái và giá trị văn hóa của các dân tộc, đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần ngày càng cao và nhu cầu phát triển của từng dân tộc.

Việt Nam có một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số theo các tôn giáo khác nhau. Về mặt văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, đồng bào các dân tộc thiểu số ở ba khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ có những nét riêng rất độc đáo tạo nên nền văn hóa Việt Nam phong phú, đa dạng. Sau này, theo thời gian các tôn giáo dần dần thâm nhập vào những vùng đồng bào dân tộc thiểu số hình thành các cộng đồng tôn giáo. Việc một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số theo các tôn giáo đặt ra cho Đảng và Nhà nước ta là cùng một lúc thực hiện chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo các tôn giáo, cùng một lúc giải quyết cả hai vấn đề lớn là công tác dân tộc và công tác tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

* 1. **Quan điểm của Đảng và Nhà nước về dân tộc**

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển. Báo cáo Chính trị tại Đại hội lần thứ XII của Đảng nêu rõ: *“Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, tây duyên hải miền Trung”*

* **Hết phần 1 -**

**Phan Thị Nhật Tài**

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Công Đức, Nguyễn Văn Lập (2015, tr 40), *Vấn đề ngôn ngữ của học sinh dân tộc thiểu số trong giáo dục phổ thông (trường hợp học sinh người M’Nông, tỉnh Đak Nông)*, NXB ĐHQG – HCM
2. TS. Phùng Đức Tùng, TS. Nguyễn Việt Cường, TS. Nguyễn Cao Thịnh, ThS. Nguyễn Thị Nhung, Ths. Tạ Thị Khánh Vân (2017), *Tổng quan thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số,* Tài liệu lưu hành nội bộ
3. Luật giáo dục 2005, 2009 (2009), NXB Chính trị quốc gia
4. Chiến lược phát triển giáo dục 2010 – 2020 (2010), NXB Giáo dục 2010
5. Quyết định phê duyệt đề án phát triển giáo dục đối với các dân tộc ít người giai đoạn 2010 – 2015
6. Lê Xuân Trình (2015), Luận văn thạc sĩ luật học *Quyền của người dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật quốc tế và Việt Nam*, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
7. Nhóm chuyên gia Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn (2012), *Báo cáo nghiên cứu rà soát các chính sách dân tộc và đề xuất xây dựng hệ thống chính sách dân tộc đến năm 2020*
8. Bộ giáo dục và đào tạo, *Báo cáo tóm tắt Trẻ em ngoài nhà trường 2016 – nghiên cứu của Việt Nam*
9. Ủy ban dân tộc, *Báo cáo số 07/BC-UBDT về tổng kết công tác dân tộc năm 2018, triển khai nhiệm vụ 2019*
10. Hong Anh Vu (2010), *Báo cáo hiện trạng bất bình đẳng giới trong cộng đồng người dân tộc thiểu số*, Syracuse University
11. Nhiều tác giả (2014), *Kỷ yếu hội thảo quốc tế Phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi*, NXB Đại học Thái Nguyên
12. Tổng cục Thống kê (2011), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 2009 – Giaó dục ở Việt Nam: Phân tích các chỉ số chủ yếu*
13. World Bank, Bộ Kế hoạch và đầu tư (2015*), Việt Nam 2035 – Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*